

NỘI ĐỊA

Số: 64/TBL-QLĐTND

Quảng Trị, ngày 27 tháng 7 năm 2020

THÔNG BÁO LƯỜNG
(Tháng 7 năm 2020)

I. Tình hình mực nước:

TT	Sông	Trạm	Mực nước lớn nhất trong tháng (Hmax)		Mực nước nhỏ nhất trong tháng (Hmin)		Ghi chú
			Mực nước (m)	Thời gian	Mực nước (m)	Thời gian	
1	Sông Hiếu	Sông Hiếu	+0,45	12h00 ngày 04/7/2020	-0,65	11h00 ngày 12/7/2020	
2	Thạch Hãn	Thạch Hãn	+0,42	11h00 ngày 03/7/2020	-0,55	7h00 ngày 22/7/2020	
3	Bến Hải	Bến Hải	+0,33	14h00 ngày 06/7/2020	-0,70	09h00 ngày 09/7/2020	

II. Tình hình luồng:

TT	Tuyến Sông	Vật chướng ngại, cầu, đường dây điện	Lý trình (địa danh)	Các đặc trưng luồng			
				Độ sâu nhỏ nhất $h_{\min}$ (m)	Độ sâu lớn nhất $h_{\max}$ (m)	Độ sâu thực đo h (m)	Chiều rộng B (m)
A	Sông Hiếu						
I		Cầu					
1		Cửa Việt	Km00+150	12,81	13,91	13,26	50
2		Đông Hà	Km15+000	7,66	8,76	8,11	25
3		Đường sắt Đông Hà	Km16+550	6,03	7,13	6,48	25
4		Sông Hiếu	Km18+550	9,60	10,70	10,05	25
5		Cầu Treo	Km21+400	6,43	7,53	6,88	80
6		Cam Hiếu	Km22+600	8,00	9,10	8,45	25
II		Đường dây điện					
1		110KV	Km12+300	19,73	20,83	20,18	
2		500KV	Km20+400	29,43	30,53	29,88	
III		Vật chướng ngại					
1		Kè mở hàn	Km12+850	-0,22	0,88	0,23	
2		Kè mở hàn	Km13+500	-0,14	0,96	0,31	
3		Trụ cầu đường sắt	Km16+550	2,09	3,19	2,54	
4		Kè mở hàn	Km25+450	-0,49	0,61	-0,04	
B	Thạch Hãn						
I		Cầu					
1		Phao Trung Yên	Km2+00	2,85	3,82	3,27	4,5

2		Đại Lộc	Km 4+700	8,77	9,74	9,19	25
3		An Mô (cũ)	Km11+300	5,96	6,93	6,38	15
4		An Mô (mới)	Km11+300	8,61	9,58	9,03	25
5		Thành Cổ	Km14+770	9,07	10,04	9,49	40
6		Đường bộ Thạch Hãn	Km16+900	8,52	9,49	8,94	20
7		Đường sắt Thạch Hãn	Km17+00	7,75	8,72	8,17	30
II		Đường dây điện					
1		35KV, đường dây VNPT	Km1+950	7,07	8,04	7,49	
2		35KV	Km5+000	9,36	10,33	9,78	
3		110KV	Km16+000	19,88	20,85	20,30	
4		110KV	Km17+800	19,43	20,40	19,85	
5		500KV	Km23+000	29,37	30,34	29,79	
III		Vật chướng ngại					
1		Bãi đá ngầm	Km9+000	-0,47	0,50	-0,05	
2		Kè mở hàn	Km12+500	-0,32	0,65	0,10	
3		Kè mở hàn	Km13+000	-0,37	0,60	0,05	
4		Kè mở hàn	Km13+300	-0,35	0,62	0,07	
5		Kè mở hàn	Km13+600	-0,23	0,74	0,19	
6		Kè mở hàn	Km13+750	-0,17	0,80	0,25	
7		Kè mở hàn	Km13+900	-0,18	0,79	0,24	
8		Bãi đá ngầm	Km16+300	0,43	1,40	0,85	
9		Bãi đá ngầm	Km17+250	0,10	1,07	0,52	
C	Bến Hải						
I		Cầu					
1	Nhánh Sa Lung	Cửa Tùng	Km 0+750	12,02	13,05	12,35	50
2		Hiền Lương (di tích)	Km 9+800	3,64	4,67	3,97	26
3		Hiền Lương	Km 9+800	7,72	8,75	8,05	30
4		Châu Thị (mới)	Km15+800	8,60	9,63	8,93	15
5		Phúc Lâm	Km18+00	4,39	5,42	4,72	13
6		Đường sắt Sa Lung	Km22+350	4,01	5,04	4,34	15
7	Nhánh Bến Tắt	Cầu phao Huỳnh Xá Hạ	Km1+600	2,24	3,27	2,57	5
8		Hiền Lương II	Km3+700	10,65	11,68	10,98	25
9		Đường sắt Tiên An	Km5+350	3,89	4,92	4,22	42
II		Đường dây điện					
1		35KV, Đường dây VNPT	Km2+750	9,68	10,71	10,01	
2		110KV	Km9+400	3,99	5,02	4,32	
3		110KV	Km15+200	4,80	5,83	5,13	
4		500KV	Km12+000	29,13	30,16	29,46	
III		Vật chướng ngại					
1		Kè mở hàn	Km4+150	-0,48	0,55	-0,15	



2		Kè mỏ hàn	Km4+700	-0,56	0,47	-0,23	
3		Trụ cầu đường sắt Sa Lung	Km22+380	1,91	2,94	2,24	

III. Bãi cạn:

TT	Tuyến Sông	Tên bãi cạn	Lý trình	Độ sâu	Mực nước	Cao độ	Chiều rộng	Chiều dài	Ngày đo
				h(m)	H(m)	Z(m)	B(m)	L(m)	
I	Sông Hiếu								
1		Đông Giang	Km15+200 ÷ Km16+000	1,450	0,190	-1,26	80	800	16h00 ngày 23/7/2020
2		Đông Thanh	Km16+500 ÷ Km17+300	1,530	0,230	-1,30	80	800	15h00 ngày 23/7/2020
3		Lâm Lang 2	Km25+000 ÷ Km25+800	1,020	-0,27	-1,29	80	800	10h00 ngày 23/7/2020
II	Thạch Hãn								
1		Như Lệ	Km21+900 ÷ Km22+600	1,89	0,19	-1,70	80	700	15h00 ngày 25/7/2020
2		Ba Lồng	Km43+400 ÷ Km45+900	1,04	+0,5	-0,54	80	2500	13h00 ngày 08/7/2020
III	Bến Hải								
1		Cửa Tùng	Km0+000 ÷ Km2+000	1,70	-0,05	-1,75	80	2000	10h00 ngày 20/07/2020

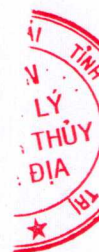
IV. Một số điều lưu ý khi đi trên tuyến:

Thời tiết trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đang bước sang mùa khô, mực nước trung bình trên các tuyến sông giảm dần. Luồng qua khu vực các bãi cạn bị bồi lấp gây khó khăn cho các phương tiện thủy khi di chuyển qua khu vực.

Phương tiện hoạt động trên tuyến cần chú ý một số đoạn sông sau:

- **Sông Hiếu:** tại Km15+780 tuyến sông Hiếu đang triển khai thi công công trình cầu kết nối khu đô thị Bắc sông Hiếu, Km17+000 thi công Đập ngăn mặn, các phương tiện thủy di chuyển qua khu vực chú ý quan sát hệ thống phao, biển báo và hướng dẫn của Trạm điều tiết để điều khiển phương tiện thuận lợi, an toàn.

- **Sông Thạch Hãn:** tại Km29+000 (đoạn Đập Trám - Ba Lồng) xây dựng cầu Thạch Hãn, đề nghị các phương tiện thủy di chuyển qua khu vực chú ý quan sát hệ thống phao, biển báo và hướng dẫn của Trạm điều tiết để điều khiển phương tiện thuận lợi, an toàn.



- **Sông Bến Hải:** bãi cạn Cửa Tùng (km0+000 - km2+000), sông Bến Hải được tổ chức thi công nạo vét đến nay đã hoàn thành, tuy nhiên do tác động của nhiều yếu tố như sóng, dòng chảy, luồng cửa sông thường xuyên bị bồi lấp, các phương tiện ra vào cửa sông chú ý quan sát hệ thống phao, biển báo để đi lại an toàn.

2. Tình hình hoạt động khai thác cát trên các tuyến sông:

* Các mỏ khai thác khoáng sản được UBND tỉnh cấp phép khai thác:

- Sông Thạch Hãn: có 04 vị trí:
 - + Công ty TNHH MTV Dịch vụ số 1 Thành Thành Công tại Km22+600;
 - + Hợp tác xã sản xuất vật liệu xây dựng và khai thác cát, sỏi Như Lệ tại Km 23+000;
 - + Công ty TNHH MTV Nguyên Hà tại Km 38+700;
 - + Công ty TNHH MTV Sơn Dũng Quảng Trị tại Km 37+000.
- Sông Bến Hải: không có.
- Sông Hiếu: không có.

Đoạn Quản lý đường thủy nội địa Quảng Trị thông báo hiện trạng luồng chạy tàu trên các tuyến sông để các cơ quan, tổ chức và cá nhân tham gia giao thông đường thủy nội địa được biết. Các chủ phương tiện lưu thông trên các tuyến sông cần chủ động tìm hiểu điều kiện thực tế của luồng và chỉ dẫn của báo hiệu để quyết định điều khiển phương tiện qua lại an toàn./.

Nơi nhận:

- Cục ĐTNĐ Việt Nam;
- Phòng QL KCHT GT;
- Lưu: VT, KH.

GIÁM ĐỐC



Phạm Uy Vũ

QUẢNG